

Số: 35/2022/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động
và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 381/TTr-SNV ngày 02 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 7 như sau:

“Điều 7. Thẩm quyền thành lập mới, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, vào tháng 01 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) đề nghị chấp thuận chủ trương thành lập thôn, tổ dân phố mới. Nội dung báo cáo thể hiện rõ các yếu tố cần thiết, các điều kiện theo quy định để thành lập thôn, tổ dân phố mới, kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch (nếu có).

2. Sở Nội vụ tiến hành thẩm định nhu cầu thành lập thôn, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp huyện; sau đó tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới và phân loại thôn, tổ dân phố.

Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của thôn, tổ dân phố trước khi điều chỉnh, sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

b) Hiện trạng của thôn, tổ dân phố trước khi điều chỉnh, gồm: Tên gọi, dân số (số hộ, số nhân khẩu);

c) Dự kiến về thôn, tổ dân phố sau khi thành lập mới, gồm: Tên gọi, dân số (số hộ, số nhân khẩu);

d) Dự kiến phân loại thôn, tổ dân phố mới;

đ) Các điều kiện khác theo khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, tổ dân phố mới về Dự thảo Đề án thành lập thôn, tổ dân phố. Hội nghị lấy ý kiến cử tri phải có biên bản, trong đó thể hiện rõ tổng số cử tri lấy ý kiến, số cử tri đồng ý và số cử tri không đồng ý. Nếu trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, tổ dân phố mới đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp Dự thảo Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên

50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

5. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;
- b) Đề án đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;
- c) Biên bản lấy ý kiến cử tri có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

6. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Toàn bộ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;
- c) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

8. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc thành lập thôn, tổ dân phố mới.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm c, d, đ, e khoản 2 Điều 10 như sau:

“Điều 10. Quy trình, hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố

1. Trên cơ sở chủ trương của tỉnh (thông qua các Đề án, Kế hoạch...) hoặc thực tiễn hiệu quả quản lý tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, xây dựng Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố. Việc sáp nhập thôn, tổ dân phố cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư tại địa phương.

2. Hồ sơ và quy trình sáp nhập thôn, tổ dân phố

c) Dự thảo Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của mỗi thôn, tổ dân phố dự kiến sáp nhập tán thành, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp Dự thảo Đề án chưa được trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của mỗi thôn, tổ dân phố dự kiến sáp nhập tán thành thì Ủy ban nhân

dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của mỗi thôn, tổ dân phố dự kiến sáp nhập tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

d) Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc sáp nhập thôn, tổ dân phố mới, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, hồ sơ gồm:

Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị sáp nhập thôn, tổ dân phố;

Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố;

Biên bản lấy ý kiến cử tri có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

Toàn bộ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn đề nghị sáp nhập thôn, tổ dân phố;

Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

g) Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc sáp nhập thôn, tổ dân phố.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Quy trình và hồ sơ đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố.

2. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện theo các trình tự như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Dự thảo phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về Dự thảo phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến.

b) Dự thảo Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua phương án đổi tên

thôn, tổ dân phố; trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Dự thảo Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

c) Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định.

d) Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố

Trường hợp không thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo quy định tại khoản 4 Điều 3 và điểm b khoản 3 Điều 8 Quy chế này thì thực hiện ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố theo quy trình như sau:

1. Trên cơ sở văn bản chỉ đạo về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án triển khai thực hiện. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Đặc điểm, tình hình của thôn hiện có, cụm dân cư mới hình thành; sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- b) Lập danh sách số hộ, số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố hình thành mới;
- c) Lập danh sách số hộ, số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố hiện có;
- d) Lập danh sách số hộ, số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố sau khi ghép cụm dân cư;
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư mới hình thành và thôn, tổ dân phố hiện có) về Dự thảo Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Dự thảo Đề án.

3. Dự thảo Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp

gần nhất. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố mới, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã;
- c) Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố;
- d) Biên bản lấy ý kiến cử tri.

Trường hợp Dự thảo Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; có từ đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình, trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được Nhân dân tín nhiệm; gia đình không có người mắc tệ nạn xã hội (vợ, chồng, con); có năng lực tổ chức và phương pháp vận động Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng và công việc cấp trên giao.

Trình độ giáo dục phổ thông và trình độ chuyên môn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố

2. Quyền hạn

Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 2,5 năm (hai năm rưỡi) tính từ khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cơ sở thời gian đại hội chi bộ, thực hiện điều chỉnh thời gian kết thúc nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thời gian bầu cử Bí thư chi bộ và bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố cách nhau nhiều nhất là 03 tháng.

Trường hợp thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động nhưng không quá 06 tháng kể từ khi có quyết định cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 và khoản 3 Điều 25 như sau:

“Điều 25. Bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố

e. Tiến hành bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định.

Nếu bầu cử bằng hình thức giơ tay, tổ bầu cử trực tiếp đếm biểu quyết của từng người ứng cử. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ phát phiếu, hướng dẫn cách thức bầu cử, kiểm phiếu. Phiếu bầu cử do Ủy ban nhân dân cấp xã chuẩn bị, có danh sách họ tên những người ứng cử, có đóng dấu Ủy ban nhân dân cấp xã vào góc cao bên trái phiếu bầu. Khi bầu cử, cử tri chỉ được lựa chọn một ứng cử viên trong danh sách ứng cử (không gạch họ tên người được lựa chọn) và gạch họ, tên những người mà cử tri không tín nhiệm. Trường hợp chỉ có một người trong danh sách ứng cử thì phiếu bầu có thêm ô “Đồng ý” và ô “Không đồng ý”.

3. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Trường hợp tổ chức bầu cử lần thứ hai mà vẫn không bầu được chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 và khoản 1, khoản 2 Điều 25 Quy chế này.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 26 như sau:

“c. Các quy định về phiếu bầu, lập Biên bản kiểm phiếu, người trúng cử, bầu cử lại, cử chức danh lâm thời, công nhận kết quả bầu cử thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Quy chế này.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Mục đích và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố và xác nhận số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố

1. Phân loại thôn, tổ dân phố để thực hiện chế độ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14a về người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Xác nhận số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố làm cơ sở để bố trí, sắp xếp và thực hiện chế độ chính sách đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 172/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Tiêu chí xác nhận số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố là số hộ gia đình đăng ký thường trú và tạm trú thường xuyên thuộc địa bàn thôn, tổ dân phố. Thôn, tổ dân phố chia thành 3 loại:

- a) Loại 1: Trên 500 hộ gia đình;
- b) Loại 2: Có từ 350 đến 500 hộ gia đình;
- c) Loại 3: Có dưới 350 hộ gia đình.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 33 như sau:

“Điều 33. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phân loại thôn, tổ dân phố và xác nhận số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trực thuộc. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác nhận số hộ gia đình tại thôn, tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả phân loại thôn, tổ dân phố và xác nhận số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

2. Trình tự, thủ tục phân loại thôn, tổ dân phố và xác nhận số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố

b) Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Công an cấp huyện và Chi cục thống kê tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Thẩm định việc thành lập mới, sáp nhập, chia tách, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Theo dõi việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn tỉnh;

c) Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện Quy chế này;

d) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

đ) Tháng 12 hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quy chế này;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) việc thành lập mới, sáp nhập, chia tách, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố;

c) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo đúng quy định của pháp luật;

d) Quyết định phân loại thôn, tổ dân phố theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Hàng năm, tổ chức phát động thi đua giữa các xã, phường, thị trấn trong việc quản lý, điều hành hoạt động và thực hiện nhiệm vụ của thôn, tổ dân phố gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư; kịp thời biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu; đồng thời phê bình, nhắc nhở đơn vị, cá nhân, tổ chức thực hiện không nghiêm;

e) Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời;

b) Quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định tại Quy chế này;

d) Hàng năm, phát động phong trào thi đua giữa các thôn, tổ dân phố. Theo dõi, đánh giá, bình xét khen thưởng đối với thôn, tổ dân phố; kịp thời khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động ở cộng đồng dân cư;

đ) Chậm nhất đến ngày 10 tháng 11 hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) về tình hình thực hiện Quy chế này.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu làm căn cứ và áp dụng trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.”

Điều 2. Về thay thế, bãi bỏ một số quy định của Quy chế tổ chức, hoạt động và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND

1. Thay cụm từ “Điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 24” thành cụm từ “Điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 25” tại Điều 26.

2. Bỏ đoạn 2 khoản 3 Điều 24.

3. Bãi bỏ Điều 32.

4. Bỏ điểm c, d, đ khoản 2 Điều 33.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2022./. *rw*

Nơi nhận: *ke*

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Văn
Trần Quốc Văn